

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS - ST

Ngày: 14 - 01 - 2022

V/v Tranh chấp dân sự về hợp
đồng đặt cọc, phạt cọc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Bà Nguyễn Thúy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Phú T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh
An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2021/TLST-DS
ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc Tranh chấp dân sự về hợp đồng đặt cọc, phạt
cọc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2021/QĐST-DS ngày
13/12/2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Phạm Anh H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khóm Đông Th 9, phường Mỹ Ph, thành phố Long X, tỉnh An
Giang.

-Bị đơn: Ông Võ Văn T(Võ Văn T B), sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 25, ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án
nguyên đơn Ông Phạm Anh H trình bày:*

Nguyên vào ngày 06/8/2020, ông H có ký hợp đồng mua bán gỗ mít với ông T(T. B) số lượng 60m³ theo đơn giá cố định, thanh toán theo từng đợt với số lượng và quy cách thực tế. Sau khi ký hợp đồng ông H tạm ứng cho ông T số tiền đặt cọc 10.000.000đồng, ông T cam kết giao hàng đợt 1 là 5m³ gỗ vào ngày 16/8/2020 theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên đến ngày giao hàng ông T xin gia hạn thêm 07 ngày vì gia công chậm, ông H đồng ý gia hạn thêm 07 ngày. Đến ngày 23/8/2020 ông T xin gia hạn thêm vài ngày, ông H đồng ý. Sau nhiều lần gia hạn đến cuối tháng 11/2020 ông T tắt luôn điện thoại không liên lạc được, ông H tìm đến nhà nhưng không gặp. Nay ông H yêu cầu Tòa án buộc ông T hoàn trả số tiền đặt cọc 10.000.000đồng, phạt cọc số tiền 10.000.000đồng. Tổng cộng 20.000.000đồng, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Ngày 12/01/2022 Ông Phạm Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Võ Văn T (Võ Văn T B) vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý nên không có lời trình bày.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương thì được anh Nguyễn Văn Xuyên Em, Trưởng ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang cho biết ông Võ Văn T (Võ Văn T B) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang hiện vẫn còn sinh sống ở địa phương. Trước đây ông T B có làm nghề thợ mộc nhưng hiện tại còn làm hay không thì địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông Võ Văn T(Võ Văn T B) trả tiền đặt cọc 10.000.000đồng, tiền phạt cọc 10.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thẩm quyền: Ông Phạm Anh H tranh chấp với Ông Võ Văn T(Võ Văn T B) về hợp đồng mua bán gỗ mít, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền đặt cọc và phạt cọc theo hợp đồng được ký kết giữa hai bên ngày 06/8/2020, Vì vậy Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng đặt cọc và phạt cọc*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Ông Võ Văn T(Võ Văn T B) cư trú tại ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ông Phạm Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Ông Võ Văn T(Võ Văn T B), đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về nội dung:

Hợp đồng mua bán giữa Ông Phạm Anh H và ông Võ Văn T(T. B) là hợp đồng viết tay đề ngày 06/8/2020, không có công chứng, chứng thực ở cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, loại hợp đồng này không thuộc trường hợp bắt buộc phải có công chứng, chứng thực. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên tham gia ký kết hợp đồng đều đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng xuất phát từ ý chí tự nguyện của các bên, không bị ép buộc; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông H khởi kiện yêu cầu ông T(T. B) trả số tiền đặt cọc 10.000.000đồng để mua 60m³ khối gỗ và yêu cầu ông T B phải bồi thường tiền cọc là 10.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản là 20.000.000 đồng . Hội đồng xét xử nhận định:

Theo phía nguyên đơn ông H trình bày thì Hợp đồng mua bán đề ngày 06/8/2020, chữ ký tên và ghi họ tên Võ Văn Tùng là do ông T tự viết và ký tên. Đồng thời, quá trình tố tụng bị đơn ông T không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ có liên quan đến giao dịch mua bán của hai bên. Tòa án đã gửi Thông báo kết quả về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ kèm theo Hợp đồng mua bán đề ngày 06/8/2020 cho ông T được biết, nhưng Tòa án vẫn không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và bị đơn cũng không đến Tòa án tham dự phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào Hợp đồng mua bán đề ngày 06/8/2020 để giải quyết vụ án. Trong Hợp đồng mua bán ngày 06/8/2020 thể hiện rõ ông T đã nhận tiền cọc của ông H số tiền 10.000.000 đồng, *“Tôi Võ Văn Tùng có nhận tiền cọc theo hợp đồng số tiền 10.000.000đồng...”*

Tại Điều IV của hợp đồng mua bán có nêu, bồi thường gấp đôi số tiền bên A(ông H) đã đặt cọc nếu bên B(ông T) không giao đúng tiến độ. Sau khi ký kết hợp đồng và nhận tiền cọc, ông H đã nhiều lần tìm, yêu cầu ông T thực hiện giao dịch nhưng ông T vẫn không thực hiện và không nêu rõ lý do của việc không thực hiện giao dịch là vi phạm hợp đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 328 của Bộ luật dân sự *“Nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp*

đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc”. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng, nên phía nguyên đơn ông H yêu cầu bị đơn ông T trả lại tiền đặt cọc 10.000.000 đồng và bồi thường gấp đôi số tiền đặt cọc tương đương với giá trị đặt cọc là 10.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 328, Điều 418 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 27 [Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Phạm Anh H.

Buộc ông Võ Văn T(T. B) phải trả cho Ông Phạm Anh H số tiền cọc đã nhận là 10.000.000 đồng và trả một khoản tiền tương đương với giá trị đặt cọc là 10.000.000 đồng. Tổng cộng 20.000.000đồng

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Võ Văn T (T.B) không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chậm thi hành án.

Ông Võ Văn T(T. B) phải chịu 1.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông H tiền tạm ứng án phí 560.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003967 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T.

Các được sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H, ông T(T. B) vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo